

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 254/KH-UBND

Tiền Giang, ngày 04 tháng 7 năm 2024

KẾ HOẠCH

Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang năm 2024

Thực hiện Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm (viết tắt là Nghị định số 61/2015/NĐ-CP), Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng (viết tắt là Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg), Thông tư số 43/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho các đối tượng quy định tại Điều 14 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP (viết tắt là Thông tư số 43/2016/TT-BLĐTBXH);

Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang xây dựng Kế hoạch hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh năm 2024, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp để triển khai có hiệu quả Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg; cung cấp nguồn nhân lực cho sự phát triển của tỉnh, góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, gắn đào tạo nghề nghiệp với giải quyết việc làm.

b) Bảo đảm công bằng về cơ hội học nghề. Tạo việc làm, giúp người lao động chuyển đổi việc làm phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động; góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

c) Nâng cao nhận thức của xã hội về vai trò của đào tạo nghề trong phát triển kinh tế - xã hội; tạo sự đồng thuận, tham gia của doanh nghiệp, người lao động trong thực hiện chính sách đào tạo nghề.

2. Yêu cầu

a) Phải có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và doanh nghiệp trong công tác hỗ trợ đào tạo nghề; ngành nghề đào tạo phải đáp ứng nhu cầu lao động và chuyển dịch cơ cấu lao động của địa phương.

b) Hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng phải đảm bảo đúng nguyên tắc, đối tượng, đúng định mức, hình thức hỗ trợ, phù hợp với nhu cầu học nghề của người lao động. Đào tạo nghề nghiệp phải gắn với nhu cầu thị trường lao động; gắn với mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề và tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia học nghề phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế và nhu cầu học nghề; đảm bảo đúng đối tượng được thụ hưởng chính sách theo quy định; người học nghề sau khi học xong phải có việc làm và thực hiện được kỹ năng nghề đã đào tạo.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

a) Đổi mới và phát triển đào tạo nghề cho người lao động theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề nhằm nâng cao chất lượng nguồn lao động, chuyển dịch cơ cấu lao động, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế và nhu cầu học nghề nhằm nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, mức sống cho người lao động, góp phần giảm nghèo bền vững và đảm bảo an sinh xã hội.

b) Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh đạt 55,5%, trong đó tỷ lệ lao động có văn bằng chứng chỉ đạt 24% vào cuối năm 2024.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Trong năm 2024, hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho tổng cộng: 4.073 người lao động, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an (3.617 lao động nông thôn và 456 thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an), trong đó:

- Số người lao động học nghề phi nông nghiệp là 2.092 người, chiếm tỷ lệ 51,4%;

- Số người lao động học nghề nông nghiệp là 1.981 người, chiếm tỷ lệ 48,6%.

b) Tỷ lệ lao động có việc làm sau học nghề đạt từ 90% trở lên.

III. NỘI DUNG

1. Đối tượng hỗ trợ

a) Người lao động là phụ nữ, lao động nông thôn, người khuyết tật, trong đó ưu tiên người khuyết tật và các đối tượng là người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm, ngư dân, hộ mới thoát nghèo theo quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg và Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (viết tắt là Quyết định số 90/QĐ-TTg).

b) Thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP.

c) Người lao động bị thu hồi đất theo quy định tại Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất (viết tắt là Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg).

d) Người chấp hành xong án phạt tù theo quy định tại Thông tư số 44/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chính sách đào tạo nghề nghiệp, tạo việc làm cho người chấp hành xong án phạt tù (viết tắt là Thông tư số 44/2016/TT-BLĐTBXH).

2. Nguyên tắc hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg, cụ thể như sau:

a) Người học đăng ký tham gia các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng được lựa chọn nghề học, cơ sở đào tạo. Chính sách hỗ trợ đào tạo đối với người học được thực hiện thông qua cơ sở đào tạo tổ chức khóa đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

b) Mỗi người chỉ được hỗ trợ đào tạo 01 lần theo chính sách quy định tại Quyết định này. Những người đã được hỗ trợ đào tạo theo các chính sách hiện hành khác của Nhà nước thì không được tiếp tục hỗ trợ đào tạo theo chính sách quy định tại Quyết định này. Riêng những người đã được hỗ trợ đào tạo nhưng bị mất việc làm do nguyên nhân khách quan thì Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định tiếp tục hỗ trợ đào tạo để chuyển đổi việc làm theo chính sách quy định tại Quyết định này, nhưng tối đa không quá 03 lần.

3. Danh mục nghề và mức hỗ trợ

a) Danh mục nghề và mức học phí hỗ trợ: Thực hiện theo Công văn số 3082/UBND-KGVX ngày 23/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp tục thực hiện Danh mục nghề đào tạo trình độ sơ cấp, dưới 03 tháng được hỗ trợ học phí.

b) Hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại: Thực hiện theo khoản 2 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng.

4. Số lượng và kinh phí hỗ trợ

Trong năm 2024, hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho tổng cộng: 4.073 người lao động, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ (3.617 lao động nông thôn và 456 thanh niên hoàn thành nghĩa vụ), với tổng kinh phí là 14.627,565 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Tổng số người lao động hỗ trợ theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg, Quyết định số 90/QĐ-TTg, người lao động bị thu hồi đất theo quy định tại Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg, người chấp hành xong án phạt tù theo quy định tại Thông tư số 44/2016/TT-BLĐTBXH là 3.617 người, với tổng kinh phí: 5.290,065 triệu đồng, trong đó: nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024 là 3.906 triệu đồng và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 là 1.384,065 triệu đồng, kinh phí

được phân bổ theo Quyết định số 3171/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các huyện, thành phố, thị xã (xem Phụ lục I).

- Tổng số thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội được hỗ trợ đào tạo nghề theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP là 456 người, với tổng kinh phí hỗ trợ: 9.337,500 triệu đồng, từ nguồn kinh phí địa phương phân bổ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện đặt hàng đào tạo theo quy định tại Thông tư số 43/2016/TT-BLĐTBXH. Tùy theo số lượng đăng ký học thực tế, đơn vị được đặt hàng đào tạo có thể điều chuyển số lượng thanh niên giữa nghề lái xe ô tô hạng B2 và hạng C nhưng phải đảm bảo kinh phí theo kế hoạch (xem Phụ lục II).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp triển khai kịp thời, có hiệu quả Kế hoạch này; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, thực hiện chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với người lao động.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp rà soát, bổ sung Danh mục nghề hỗ trợ đào tạo, tính chi phí đào tạo trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; cập nhật, bổ sung, xây dựng mới các chương trình, giáo trình đào tạo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và nhu cầu của người học.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán kinh phí tổ chức thực hiện hỗ trợ đào tạo cho đối tượng thanh niên hoàn thành nghĩa vụ theo Kế hoạch này.

d) Chủ trì, phối hợp với cơ quan báo, đài tổ chức thực hiện tuyên truyền về giáo dục nghề nghiệp.

e) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát định kỳ, thường xuyên các lớp đào tạo nghề được hỗ trợ; tổ chức đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch; định kỳ 06 tháng, năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện công tác hỗ trợ đào tạo trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai thực hiện Kế hoạch này.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã lập kế hoạch triển khai thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp cho người lao động trên địa bàn tỉnh.

c) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết công tác hỗ trợ đào tạo nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp; định

kỳ hàng quý, năm báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh được hỗ trợ đào tạo nghề.

b) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, giám sát việc thực hiện đào tạo và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông về giáo dục nghề nghiệp.

5. Các đoàn thể tỉnh

Đề nghị Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền về giáo dục nghề nghiệp tại các tổ chức Đoàn, Hội.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tại địa phương xây dựng Kế hoạch để cụ thể hóa mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, phân công trách nhiệm triển khai thực hiện Kế hoạch này phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của địa phương và định hướng phát triển của tỉnh; xây dựng các mô hình đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng gắn kết với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất - kinh doanh và thị trường lao động theo từng địa phương, phù hợp với từng nhóm đối tượng. Các địa phương có làng nghề truyền thống chủ động xây dựng kế hoạch phát triển làng nghề, đào tạo và khôi phục các nghề truyền thống; chủ động phối hợp với các hợp tác xã, doanh nghiệp đóng trên địa bàn để giới thiệu việc làm cho lao động học nghề; rà soát, ưu tiên hỗ trợ đào tạo các đối tượng sau cai nghiện, người lao động bị thu hồi đất, người chấp hành xong án phạt tù.

b) Tăng cường thông tin, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng và các chính sách về giáo dục nghề nghiệp có liên quan trên địa bàn; trong đó, quan tâm giới thiệu các mô hình, cá nhân điển hình trong học nghề, đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm có hiệu quả.

c) Lựa chọn cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp đảm bảo các điều kiện đào tạo, nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu học nghề của người lao động; chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả đào tạo và giải quyết việc làm cho người học sau tốt nghiệp; chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai thực hiện công tác hỗ trợ đào tạo và chịu trách nhiệm về đào tạo nghề phi nông nghiệp, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế triển khai thực hiện công tác hỗ trợ đào tạo và chịu trách nhiệm về đào tạo nghề nông nghiệp.

d) Quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí hỗ trợ đào tạo đã được phân bổ theo đúng quy định pháp luật.

e) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng và các chính sách, pháp luật có liên quan trên địa bàn.

g) Định kỳ hàng tháng, quý, năm báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp

a) Tổ chức tuyển sinh, đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho người học theo hợp đồng đặt hàng, nhiệm vụ đào tạo được giao theo đúng quy định của pháp luật; thực hiện đầy đủ các nội dung trong hợp đồng, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán chi phí các lớp hỗ trợ đào tạo theo đúng quy định pháp luật.

b) Định kỳ cập nhật, bổ sung hoặc xây dựng mới chương trình, giáo trình đào tạo để thực hiện hỗ trợ đào tạo; triển khai thực hiện đầy đủ nội dung, thời lượng chương trình đào tạo, phân công nhà giáo tham gia giảng dạy phải đạt chuẩn, đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo, đồng thời cung cấp đầy đủ vật tư, nguyên vật liệu, tài liệu theo quy định của chương trình đào tạo.

c) Lập kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp gửi Sở Tài chính phân bổ kinh phí; tích cực tham gia tổ chức, triển khai hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên qua thẻ học nghề tại cơ sở theo các quy định của pháp luật, đảm bảo đúng, đủ, kịp thời và hiệu quả; có trách nhiệm tư vấn, giới thiệu việc làm cho thanh niên sau khi hoàn thành khóa học; thực hiện thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề qua thẻ học nghề với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội khi kết thúc khóa học.

d) Định kỳ hàng tháng, quý, năm báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động về Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

IV. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp gửi báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch trước ngày 25/11/2024 về cơ quan chủ quản và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế, các sở, ban, ngành tỉnh, cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã chủ động triển khai thực hiện Kế hoạch, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) trước ngày 05/12/2024.

Trên đây là Kế hoạch hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh năm 2024. Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan và các địa phương triển khai thực hiện bảo đảm mục tiêu, yêu cầu nội dung kế hoạch đề ra. Trong quá trình triển khai thực hiện, kịp thời báo cáo về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội những khó khăn, vướng mắc (nếu có) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Văn Dũng

Phụ lục I

SỐ LIỆU HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 46/2015/TTg*(Đính kèm Kế hoạch số 254/KH-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Stt	Đơn vị	Tổng số lao động	Trong đó: đối tượng hỗ trợ						Tổng số kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Trong đó: Số tiền hỗ trợ (triệu đồng)		Nguồn kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	
			Chính sách người có công	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ mới thoát nghèo	Khuyết tật	Lao động nông thôn khác		Học phí	Tiền ăn, tiền đi lại	Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới	Chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững
1	Huyện Cái Bè	260	33	3	24	10		190	292,059	255,759	36,300	268	24,059
2	Huyện Cai Lậy	295	1	5	7			282	325	313,3	11,700	325	
3	Thị xã Cai Lậy	198	47	12	35			104	315	245,400	69,600	315	
4	Huyện Tân Phước	100		70	20	10			354,240	84,240	270,000	345	9,240
5	Huyện Châu Thành	315	5	62	24		16	208	719,100	687,000	32,100	338	381,100
6	Thành phố Mỹ Tho	95	5	5	5			80	270	259,650	10,350	270	
7	Huyện Chợ Gạo	365	1	75	114			175	542,223	439,623	102,600	256	286,223

Stt	Đơn vị	Tổng số lao động	Trong đó: đối tượng hỗ trợ						Tổng số kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Trong đó: Số tiền hỗ trợ (triệu đồng)		Nguồn kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	
			Chính sách người có công	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ mới thoát nghèo	Khuyết tật	Lao động nông thôn khác		Học phí	Tiền ăn, tiền đi lại	Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới	Chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững
8	Huyện Gò Công Tây	672	17	57	100	48	32	418	857,671	728,491	129,180	510	347,671
9	Thành phố Gò Công	651	5	10	46			590	734	705,903	28,097	734	
10	Huyện Gò Công Đông	600	7	40	55	45	10	443	686,772	605,502	81,270	395	291,772
11	Huyện Tân Phú Đông	66		5	10	7		44	194	150	44	150	44,000
Tổng cộng		3.617	121	344	440	120	58	2.534	5.290,065	4.474,868	815,197	3.906	1.384,065

Lưu ý:

- Danh mục nghề và mức học phí hỗ trợ thực hiện theo Công văn số 3082/UBND-KGVX ngày 23/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp tục thực hiện Danh mục nghề đào tạo trình độ sơ cấp, dưới 03 tháng được hỗ trợ học phí.
- Hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại: Thực hiện theo khoản 2 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng.

Phụ lục II

**SỐ LƯỢNG HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NGHỀ LÁI XE Ô TÔ HẠNG B2, HẠNG C
CHO THANH NIÊN HOÀN THÀNH NGHĨA VỤ NĂM 2024**
(Đính kèm Kế hoạch số 254/KH-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nghề đào tạo	Tổng số đối tượng	Kinh phí thực hiện hỗ trợ										
			Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Trong đó									
				Mức học phí hỗ trợ đào tạo			Chi hỗ trợ tiền ăn				Chi hỗ trợ tiền đi lại		
				Số lượng (người)	Đơn giá đặt hàng đào tạo (triệu đồng)	Thành tiền (triệu đồng)	Số lượng (người)	Mức hỗ trợ tiền ăn/ ngày/ người (đồng)	Thời gian đào tạo (Tổng số ngày)	Thành tiền (triệu đồng)	Số lượng (người)	Mức hỗ trợ tiền đi lại/ người/ khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên (đồng)	Thành tiền (triệu đồng)
1	Lái xe ô tô hạng B2	150	2.727,900	150	16,816	2.522,400	150	30.000	39	175,500	150	200.000	30
2	Lái xe ô tô hạng C	306	6.609,600	306	20,590	6.300,540	306	30.000	40	309,060	306		-
	Tổng cộng	456	9.337,500	456		8.822,940	456	30.000		484,560	456	200.000	30

Số tiền bằng chữ: Chín tỷ ba trăm ba mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng.

*** Ghi chú:**

- Đơn giá đặt hàng đào tạo trình độ sơ cấp nghề lái xe ô tô theo Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của UBND tỉnh;
- + Đơn giá đặt hàng đào tạo trình độ sơ cấp nghề lái xe ô tô hạng B2 là 16.816.000 đồng/người/khóa;
- + Đơn giá đặt hàng đào tạo trình độ sơ cấp nghề lái xe ô tô hạng B2 là 16.816.000 đồng/người/khóa;
- + Đơn giá đặt hàng đào tạo trình độ sơ cấp nghề lái xe ô tô hạng C là 20.590.000 đồng/người/khóa.
- Nội dung và mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính:
- + Hỗ trợ chi phí đào tạo: Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính;
- + Hỗ trợ tiền ăn: Điểm b Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính, mức hỗ trợ tiền ăn là 30.000 đồng/người/ngày thực học;
- + Hỗ trợ tiền đi lại: Điểm c Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính, mức hỗ trợ tiền ăn là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên.